

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG NHÉ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 17-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phong

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lò Văn Phôn

Ông Trịnh Xuân Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:

Ông Tòng Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại bản Mường Toong 3, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 01/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Sùng A T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1996; Tại huyện S, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A D (Sinh năm 1966) và bà Chang Thị M (Sinh năm 1964); Có vợ là Vàng Thị D và có 01 người con, con 05 tuổi; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/5/2020 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Pờ Go Loòng - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện hợp pháp: Ông Lù Văn D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M - có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Cộng đồng nhóm bản Ng, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Đại diện hợp pháp: Ông Thào A D - Trưởng bản Ng - có mặt.

Ông Sùng A D; Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- *Người có nghĩa vụ liên quan*: Ông Giàng Cù L; Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Bản Ng, xã Mường T, huyện M, tỉnh Điện Biên- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 10/02/2020 Sùng A T một mình cầm theo 01 con dao phát, 01 máy cưa cầm tay đi bộ từ nhà lên khu vực nương cũ mà Sùng A T đã mượn trước đó của ông Giàng Cù L bỏ hoang hơn 04 năm giờ đã phát triển thành rừng ở bản Ngã Ba, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên để phát rừng làm nương. T bắt đầu việc chặt, phát rừng liên tục trong khoảng 03 tuần thì phát xong. Quá trình chặt phá, T đã dùng 01 con dao phát, 01 máy cưa chặt và phát trắng toàn bộ số cây rừng có trong diện tích 16.626 m², cây gỗ có điểm chặt thấp nhất cách mặt đất 13 cm, điểm chặt cao nhất là 1 m, điểm chặt trung bình là 50 cm, cây gỗ bị chặt hạ có đường kính lớn nhất là 35 cm, đường kính nhỏ nhất 08 cm. Cây gỗ bị chặt hạ dài nhất là 11 m, ngắn nhất 04 m và dài trung bình 07 m. Mức độ thiệt hại do hành vi chặt phá rừng của Sùng A T trên diện tích chặt phá là 100%.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/3/2020 đã xác định: Tổng diện tích rừng bị phá là 16.626 m², là rừng sản xuất thuộc lô 4, lô 25, khoảnh 25 tiểu khu 142, trạng thái rừng thường xanh phục hồi, thuộc bản Ng, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, do Cộng đồng bản Ng quản lý, bảo vệ. Tổng số khối lượng gỗ mà Sùng A T đã chặt phá là 44,79 m³ gỗ tròn, loại gỗ tạp và khối lượng củi bị thiệt hại là 56,43 m³.

Tại kết luận định giá tài sản số 05i ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mường Nhé, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Sùng A T gây ra là 11.780.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tại văn bản số 01/HĐĐGTSTTHS ngày 24/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Mường Nhé trả lời không xác định được Giá quyền sử dụng rừng.

Bản cáo trạng số: 51/CT-VKS-MN ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố Sùng A T để xét xử về tội: Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Sùng A T từ 36 đến 42 tháng

tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự, căn cứ vào Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước; Về vật chứng và án phí: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án và miễn án phí cho bị cáo.

Luật sư Pờ Go Loòng bào chữa cho bị cáo nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng, tình tiết giảm nhẹ, án phí và xử lý vật chứng. Về hình phạt, đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng ở điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, phạm tội vì mục đích mưu sinh, đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 38 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Sùng A T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư cũng như luận tội của Viện kiểm sát và không có ý kiến bổ sung gì thêm. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Bị cáo phá rừng là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu đất sản xuất, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng A D trình bày: Ngày 10/02/2020 Sùng A T có sang nhà tôi mượn máy cưa và nói đi đi xẻ củi, tôi hoàn toàn không biết việc T mượn máy cưa để đi phá rừng. Hiện chiếc máy cưa này tôi đang quản lý, tôi không có ý kiến gì thêm.

Người có nghĩa vụ liên quan Giàng Cù L trình bày: Vào khoảng tháng 01 năm 2020 Sùng A T có tới nhà tôi hỏi mượn nương cũ của gia đình để canh tác, tôi có đồng ý cho mượn nhưng không có thỏa thuận bằng văn bản hay hứa hẹn gì, tôi cũng không đi chỉ địa điểm cho T, việc T chặt phá rừng là do T tự thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa bị cáo khai vào khoảng 06 giờ ngày 10/02/2020 bị cáo dùng 01 dao phát và 01 máy cưa cầm tay, phát trắng toàn bộ diện tích rừng là 16.626 m², là rừng sản xuất thuộc lô 4, 25 khoảnh 25 tiểu khu 142, trạng thái rừng thường xanh phục hồi, thuộc bản Ng, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, do Cộng đồng bản Ng quản lý, bảo vệ, mục đích bị

cáo phá rừng là để làm nương. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Sùng A T đã thực hiện hành vi phá trái phép rừng sản xuất với diện tích là 16.626 m².

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Song chỉ vì muốn lấy đất để làm nương bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại lớn về môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mường Nhé. Vì vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng”, tội và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù, luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 36 đến 38 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội vì mục đích mưu sinh, có một tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nên đề nghị xử phạt của đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo còn nhiều khó khăn, không có tài sản gì có giá trị, thuộc diện hộ nghèo. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 điều 243 BLHS đối với bị cáo.

[3] Đối với ông Giàng Cù L là người cho Sùng A T mượn nương cũ để T phát làm nương, việc mượn nương cũ do T chủ động mượn, quá trình mượn không làm giấy tờ, ông Giàng Cù L không hứa hẹn, không đi chỉ địa điểm cho T, việc T đi chặt phát nương cũ của ông L do T tự thực hiện, ông L không thúc đẩy, xúi giục T, do vậy không có cơ sở để xử lý ông Giàng Cù L trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã gây thiệt hại về rừng thuộc sở hữu Nhà nước, do đó căn cứ vào Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc máy cưa cầm tay, quá trình điều tra đã làm rõ, máy cưa thuộc sở hữu của ông Sùng A D, ông D không biết bị cáo

mượn máy cưa để đi phá rừng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Nhé không thu giữ để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 con dao phát là công cụ phạm tội, đã hết giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo số 50/GCN-HN ngày 29/12/2019 và đã có đơn đề nghị miễn án phí. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTWQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Nhé, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội "Hủy hoại rừng".

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Sùng A T 38 (*ba mươi tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Sùng A T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước với số tiền là 11.780.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao phát (loại dao quắm) có chiều dài 97 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 60 cm, đường kính cán dao 3,8 cm, chuôi dao bằng kim loại màu đen dài 11 cm, có đường kính 3,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại bị sứt mẻ có chiều dài 26 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là

5,5 cm, sống dao dày 0,5 cm, dao đã cũ, đã qua sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2020 giữa Công an huyện Mường Nhé và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Sùng A T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA (TA tỉnh);
- VKSND huyện Mường Nhé;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Mường Nhé;
- Cơ quan THAHS CA huyện Mường Nhé;
- Bộ phận HSNV CA huyện Mường Nhé;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của NĐDS;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- THADS huyện Mường Nhé;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- Lưu HS, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Phong